TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358//2024/DS-PT
Ngày: 03 - 7 - 2024
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Ông Nguyễn Thanh Triều

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 284/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P,** sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Đ,** sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Đông T**, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp

T, xã T B, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông **Trần Công N,** sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. *(vắng mặt)*

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà **Lê Thị Đ,** sinh năm 1967

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Ngày 30/6/2016, bà Lê Thị Đ có vay của bà số tiền 100.000.000đồng, thời hạn trả 30/7/2016. Khi vay tiền bà Đ có viết biên nhận cho bà. Sau khi vay tiền bà Đ không trả kéo dài cho đến nay. Bà không có nhận tiền 100.000.000đồng do ông N trả như lời ông N trình bày.

Ngoài ra bà Đ có tham gia 01 dây hụi do bà làm chủ thảo. Hụi 5.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi khui vào ngày 20/6/2016. Hụi có 24 phần tham gia, bà Đ tham gia 01 phần. Bà Đ đã hốt hụi. Bà giao hụi cho bà Đ, bà Đ có ký nhận. Sau khi hốt hụi bà Đ không đóng hụi chết còn thiếu bà số tiền hụi là 105.000.000đồng.

Tổng cộng tiền hụi và tiền vay bà Đ thiếu bà 205.000.000đồng. Bà yêu cầu bà Đ trả cho bà số tiền hụi là 105.000.000đồng và tiền vay là 100.000.000đồng và lãi suất tính từ tháng 6/2016 đến khi xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Đ chậm thi hành thì phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai ngày 19/10/2023 bị đơn Lê Thị Đ trình bày:**

Đối với số tiền nợ hụi bà P yêu cầu bà Đ trả là 105.000.000đồng. Dây hụi này bà có tham gia, hụi khui vào ngày 20/6/2016 bà đã hốt hụi và góp đủ cho bà P, kỳ hụi cuối bà không đóng được 1.000.000đồng thì bà góp 50.000đồng trong vòng 30 ngày. Dây hụi này đã kết thúc bà không còn thiếu tiền bà P.

Ngày 25/5/2016, bà Đ có đến nhà bà P để mượn số tiền 100.000.000đồng cho con ông N đáo hạn Ngân hàng. Đến ngày 03/7/2016, con trai ông N nhận

tiền Ngân hàng và ông N cầm tiền đến trả cho bà P là 100.000.000đồng nợ gốc và 600.000đồng lãi suất nhưng ông N không lấy lại biên nhận nợ. Do đó số tiền này bà đã trả bà P xong, bà không có nợ bà P.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai bổ sung ngày 13/12/2023 đại diện theo ủy quyền của bà Đ, anh Nguyễn Đông T trình bày:

Đối với phần nợ hụi: Bà Đ có tham gia hụi do bà P làm chủ thảo. Hụi khui ngày 20/6/2016, bà Đ tham gia một phần và đóng được 17 kỳ hụi sống đến lần thứ 18 thì bà Đ hốt hụi. Vào thời điểm hốt hụi thì bà P có giao tiền hụi cho bà Đ nhưng giữa bà P và bà Đ không có làm bất cứ biên nhận nào. Sau khi bà Đ hốt hụi bà Đ còn phải đóng lại 06 kỳ hụi chết cho bà P và bà bà Đ đã đóng đủ, kỳ cuối cùng do bà Đ bị bệnh nên bà P cho bà Đ góp mỗi ngày 50.000đồng góp trong 30 ngày và đã đóng xong. Nay bà P khởi kiện đòi 105.000.000đồng tiền hụi là không có căn cứ vì nếu bà Đ còn thiếu tiền hụi tại sao bà P không khởi kiện mà đến năm 2022 mới khởi kiện.

Đối với số nợ vay: Ngày 25/5/2016, bà Đ có đến nhà bà P để mượn số tiền 100.000.000đồng cho con ông N đáo hạn Ngân hàng và bà P hẹn 05 ngày nên đến ngày 30/5/2016 bà Đ có đến nhà bà P nhận số tiền 100.000.000đồng. Đến ngày 03/6/2016, con trai ông N nhận tiền Ngân hàng và ông N cầm tiền đến trả cho bà P là 100.000.000đồng nợ gốc và 600.000đồng lãi suất. Thời điểm ông N trả 100.000.000đồng vốn gốc và lãi cho bà P đến nay đã 07 năm nên bà Đ không nhớ rõ lúc ông N trả tiền cho bà P thì bà P có trả lại biên nhận hay không nhưng hiện nay biên nhận nợ đã bị thất lạc mất không còn. Nếu bà Đ vay tiền của bà P từ ngày vay đến nay không trả tiền gốc và lãi thì tại sao bà P không đòi nợ bà Đ và yêu cầu bà Đ viết biên nhận về việc hẹn trả tiền hoặc khởi kiện mà bà P để 06 năm sau mới khởi kiện. Đối với biên nhận mượn tiền ngày 30/6/2016 bà P cung cấp, bà Đ xác định bà Đ không có viết biên nhận mượn tiền và ký tên, ghi tên vào biên nhận. Nếu bà P có đủ căn cứ chứng minh thì bà Đ chỉ trả vốn gốc không đồng ý trả lãi, yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Công N trình bày:**

Đối với yêu cầu trả số tiền vay 100.000.000đồng của bà P ông có ý kiến như sau:

Ngày 25/5/2016, do con của ông cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên nhờ bà Đ đến hỏi bà P số tiền trên và bà P hẹn 05 ngày sau đến lấy. Đến ngày 30/5/2016, bà Đ đến nhà bà P để vay số tiền 100.000.000đồng. Ngày 03/6/2016, con ông N nhận tiền Ngân hàng, ông N đem tiền trả cho bà P 100.600.000đồng gồm gốc và lãi suất. Thời điểm trả tiền cho đến nay là 07 năm nên ông không nhớ rõ lúc giao tiền cho bà P thì bà P có giao lại biên nhận hay không, ông cũng không nhớ ông có giao lại biên nhận cho bà Đ hay không nhưng hiện nay biên nhận đã thất lạc mất. Số tiền 100.000.000đồng bà Đ đã trả xong không còn nợ bà P.

** Tại phiên tòa, bà P rút lại yêu cầu tính lãi từ năm 2016 cho đến nay.*

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang quyết định: Điều 305, 471, 479 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Lê Thị Đ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 205.000.000đồng (gồm số tiền vay là 100.000.000đồng và 105.000.000đồng tiền hụi). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 205.000.000đồng của bà Nguyễn Thị P.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/02/2024, bị đơn Lê Thị Đ có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm 14/2024/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Lê Thị Đ còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Đ Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tiền vay: Theo biên nhận ngày 30/6/2016, thể hiện bà P có cho bà Đ vay số tiền 100.000.000đồng, thời hạn trả ngày 30/7/2016. Nhưng đến nay không trả bà P yêu cầu bà Đ trả số tiền 100.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Đ không đồng ý cho rằng số tiền trên sau khi vay 03 ngày bà có nhờ ông Trần Công N trả xong nhưng không có làm biên nhận, bà P không thừa nhận, bà Đ không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đ trả cho bà P số tiền vay 100.000.000 đồng là có căn cứ. Bà Đ kháng cáo cũng không có chứng cứ gì mới chứng nên không được chấp nhận.

[3.2] Về tiền hụi: Bà Đ có tham gia 01 dây hụi do bà P làm chủ thảo. Hụi 5.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi khui vào ngày 20/6/2016. Hụi có 24 phần, bà Đ tham gia 01 phần hốt lần thứ nhất được số tiền 89.150.000 đồng bà P giao hụi bà Đ có ký nhận vào danh sách người hốt hụi. Sau khi hốt xong bà Đ đóng lại 02 phần hụi chết 10.000.000 đồng, còn lại 21 phần hụi chết bà Đ không đóng bà P choàng đến mãn (tháng 3/2018) với số tiền là 105.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà Đ cho rằng bà Đ hốt hụi vào lần thứ 18 còn lại 06 phần hụi chết bà Đ đã đóng hụi cho bà P đến mãn không còn thiếu. Người ký tên vào danh sách người hốt hụi do bà P cung cấp không phải chữ ký của bà Đ. Nhưng không yêu cầu giám định chữ ký bà Đ. Lời trình bày này không được bà P thừa nhận. Căn cứ vào danh sách người hốt hụi bà Đ có ký nhận Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đ trả cho bà P số tiền105.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bà Đ là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị xem như có hiệu lực pháp lực.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp nhận định trên.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 305, 471, 479 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 244 , khỏan 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Lê Thị Đ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 205.000.000đồng (gồm số tiền vay là 100.000.000đồng và 105.000.000đồng tiền hụi). Thời gian khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 205.000.000đồng của bà Nguyễn Thị P.

3/ Về án phí : Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, bà đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003198 ngày 06/02/2024 của Chi cục hành án dân sự huyện T xem như nộp xong án phí phúc thẩm. Bà Đ phải chịu 10.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà P được nhận lại 5.125.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003259 ngày 25/10/2022 của Chi cục hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em